TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST Ngày: 09-3-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 01 năm 2023 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2002, ông và bà Nguyễn Tuyết N tổ chức lễ thành hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên cự cải không thể hàn gắn được. Ông và bà Nguyễn Tuyết N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2012. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, giữa ông và bà Nguyễn Tuyết N không thể sống chung với nhau được. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Tuyết N.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 03 người con chung tên Trần Thanh T (giới tính nam), sinh ngày 23 tháng 6 năm 2003; Trần Kim T (giới tính nữ), sinh ngày 05/5/2005 và Trần Thanh T (giới tính nam), sinh ngày 06/4/2008. Hiện Trần Thanh T đã trưởng thành ông không yêu cầu giải quyết. Ông

yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung Trần Kim T và Trần Thanh T, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2023, bị đơn là bà Nguyễn Tuyết N trình bày:

Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng và việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như về mâu thuẫn và thời gian không còn chung sống với nhau đúng như ông Trần Văn L trình bày. Nay ông Trần Văn L yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Về con chung có 03 người tên là Trần Thanh T (giới tính nam), sinh ngày 23 tháng 6 năm 2003; Trần Kim T (giới tính nữ), sinh ngày 05/5/2005 và Trần Thanh T (giới tính nam), sinh ngày 06/4/2008. Hiện Trần Thanh T đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết. Bà đồng ý giao 02 người con chung Trần Kim T và Trần Thanh T cho ông Trần Văn L nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa ông Trần Văn L với bà Nguyễn Tuyết N được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Tuyết N là bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn CĐV, huyện PT, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn L và bà Nguyễn Tuyết N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn L và bà Nguyễn Tuyết N.

[3] Về hôn nhân: Ông Trần Văn L với bà Nguyễn Tuyết N sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Trần Văn L xác định quá trình sống chung với nhau, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Trần Văn L được ly hôn bà Nguyễn Tuyết N. Bà Nguyễn Tuyết N thống nhất với lời trình bày của ông Trần Văn L về thời gian sống chung và việc không có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn và thời gian không còn sống chung. Ông Trần Văn L yêu cầu ly hôn thì bà Nguyễn Tuyết N đồng ý ly hôn ông Trần Văn L. Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Tuyết N sống chung với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa ông Trần Văn L và bà Nguyễn Tuyết N vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa ông Trần Văn L và bà Nguyễn Tuyết N không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Tuyết N không được công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Trần Văn L với bà Nguyễn Tuyết N có 03 người con chung tên là Trần Thanh T (giới tính nam), sinh ngày 23 tháng 6 năm 2003; Trần Kim T (giới tính nữ), sinh ngày 05/5/2005 và Trần Thanh T (giới tính nam), sinh ngày 06/4/2008. Hiện Trần Thanh T đã trưởng thành ông Trần Văn L và bà Nguyễn Tuyết N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Riêng Trần Kim T và Trần Thanh T ông Trần Văn L yêu cầu nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Bà Nguyễn Tuyết N đồng ý giao Trần Kim T và Trần Thanh T cho ông Trần Văn L nuôi dưỡng, bà Nguyễn Tuyết N không cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 05/01/2023, Trần Kim T và Trần Thanh T có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Trần Văn L. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn L về yêu cầu nuôi dưỡng cả hai người con chung. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn L về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Tuyết N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Trần Văn L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 212, 147, 207, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn L và bà Nguyễn Tuyết N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên là Trần Kim T (giới tính nữ), sinh ngày 05/5/2005 và Trần Thanh T (giới tính nam), sinh ngày 06/4/2008 cho ông Trần Văn L nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn L về việc không yêu cầu bà Nguyễn Tuyết N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Tuyết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, ông Trần Văn L phải chịu. Ông Trần Văn L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0018498 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Trần Văn L với bà Nguyễn Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Văn Bình